TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 211/2021/QĐST–HNGĐ	*Quận 7, ngày 14 tháng 4 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số 89/2021/TLST-HNGĐ ngày 04/02/2021 về việc: "Ly hôn", giữa:

Nguyên đơn: Ông Võ T, sinh năm 1979

Bị đơn: Bà Phan Kh, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: Số 1 Đường số H, KP5, phường TTT, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 54, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 4 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông Võ T và bà Phan Kh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ T và bà Phan Kh thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 98, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân phường TTĐ,

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/9/2015 không còn giá trị pháp lý).

Về con chung: Các đương sự xác nhận có 01(một) con chung là trẻ Võ MK (nữ), sinh ngày 09/12/2015.

Các đương sự thống nhất thỏa thuận: Ông Võ T đồng ý để bà Phan Kh trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Võ Mk (nữ), sinh ngày 09/12/2015. Ông Võ T cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/tháng (Năm triệu đồng/tháng). Hai bên tự giao nhận tiền cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Võ T được quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Án phí dân sự sơ thẩm giải quyết vụ án: Ông T tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm do ông Phước nộp theo biên lai thu số AA/2019/0042326 ngày 04/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND Q.7, TPHCM;
- C/c THA DS Q.7, TPHCM;
- C/q thực hiện đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ (TK.Thúy).

THẨM PHÁN

Trương Như Thủy